

Bản án số: 248/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Loan

Bà Đỗ Thị Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 128/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Tr1, xã Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn anh Hoàng Văn D, vắng mặt bị đơn chị Hoàng Thị B không có lý do, dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2020, các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Hoàng Văn D trình bày:

Anh Hoàng Văn D và chị Hoàng Thị B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn do UBND xã Th cấp năm 2013. Sau khi cưới do mẹ chồng, nàng dâu bất hòa dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 3/2016, chị B đã đem con về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ đó, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị B.

Về con chung: Anh chị có một con chung là: Cháu Hoàng Trang N, sinh ngày 11/10/2015, anh D nhường quyền trực tiếp nuôi con cho chị B và cấp dưỡng nuôi con

cùng chị B mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu Trang N đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Anh D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/5/2020, bà Hoàng Thị H – mẹ đẻ chị Hoàng Thị B trình bày: Chị B và anh D kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th năm 2013. Sau khi cưới, mẹ chồng nàng dâu bất hòa, anh D nghe lời mẹ nên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Khoảng tháng 3/2016, sau khi sinh con được 4 tháng, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nữa nên chị B đã bế con về nhà mẹ đẻ là bà H sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân. Bà H cho biết chị B có biết việc anh D xin ly hôn chị B và thông tin lại rằng chị B xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên cũng thống nhất ly hôn. Về con: Chị B và anh D có một con chung là cháu Hoàng Trang N, sinh ngày 11/10/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu N ở với mẹ và bà ngoại. Nay vợ chồng ly thân, chị B có trao đổi với bà H là có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hiện tại, do điều kiện công việc bận nên chị B không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh D được, chị B có nhờ bà H nhận hộ các tài liệu, giấy tờ của Tòa án. Bà H xin nhận thay chị B và cam đoan thông tin lại nội dung và giao các văn bản, tài liệu của Tòa án cho chị B.

Xác minh tại địa phương xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 25/5/2020: Anh Hoàng Văn D và chị Hoàng Thị B kết hôn năm 2013. Tuy nhiên vợ chung sống bình thường chỉ được một thời gian rồi phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mẹ chồng nàng dâu bất hòa, anh D lại nghe lời mẹ, trút hết sai trái cho vợ. Từ tháng 3/2016, chị B đã bế con về nhà mẹ đẻ ở. Từ khi vợ chồng sống ly thân, con gái anh chị là cháu Hoàng Trang N vẫn sống với mẹ và bà ngoại tại Thôn N, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, xử cho anh Hoàng Văn D được ly hôn chị Hoàng Thị B. Về việc nuôi con chung đề nghị HĐXX giao cháu Hoàng Trang N cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về án phí: Đề nghị HĐXX buộc anh D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Tại phiên tòa nguyên đơn - anh Hoàng Văn D không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Hoàng Văn D làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị Hoàng Thị B và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn - chị B có địa chỉ tại xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị B không có mặt tại Tòa án để làm việc dù đã được triệu tập hợp lệ, bà Hoàng Thị H đã đến Tòa án báo cáo chị B bận công việc không đến Tòa án làm việc được và xin nhận thay chị B các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án, bà H cam đoan giao và thông báo ngay nội dung văn bản của Tòa án cho chị B. Tòa án đã tiến hành xác minh và bà Hoàng Thị H cho biết bà đã giao và thông báo toàn bộ nội dung các văn bản Tòa án giao cho chị B.

Tại phiên tòa lần thứ nhất, ngày 16/7/2020, chị Hoàng Thị B vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa đồng thời tổng đạt ngay quyết định hoãn phiên tòa cho chị B. Tại phiên tòa lần thứ hai, chị Hoàng Thị B lại vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị B là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị B và Anh Hoàng Văn D tự nguyện kết hôn và có đăng lý kết hôn tại UBND xã Th năm 2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân là do mẹ chồng nàng dâu bất hòa, mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu đã không được giải quyết mà còn là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Từ tháng 3/2016, chị B đã bế con về nhà mẹ đẻ ở. Từ đó, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Hoàng Văn D được ly hôn chị Hoàng Thị B.

[2.2]. *Về con chung*: Anh D và chị B có một con chung là: cháu Hoàng Trang N, sinh ngày 11/10/2020. Từ khi cháu N được 4 tháng tuổi, vợ chồng anh chị sống ly thân, cháu N ở với mẹ là chị B. Anh D xác định cháu N hiện ở với mẹ rất ổn định và được chăm sóc tốt nên có nguyện vọng nhường quyền trực tiếp cháu N cho chị B. Xét thấy, chị B mặc dù không có lời khai tại Tòa án, không trực tiếp thể hiện nguyện vọng nuôi con, nhưng thông qua mẹ đẻ là bà Hoàng Thị H thể hiện chị B có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con. Mặt khác, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu N vẫn do chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại dù bận công việc, nhưng chị B vẫn sắp xếp và luôn dành thời gian chăm con. Anh D cũng xin nhường quyền nuôi con cho chị B và không tranh chấp gì về việc nuôi con chung. Vì vậy, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nhận định việc giao cháu N cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Anh D xin cấp dưỡng nuôi con cùng chị B mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp nên chấp nhận.

[2.3]. *Về tài sản và công nợ*: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. *Về án phí*: Nguyên đơn anh Hoàng Văn D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Hoàng Văn D được ly hôn chị Hoàng Thị B.

2. *Về con chung*: Giao cháu Hoàng Trang N, sinh ngày 11/10/2015 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D cấp dưỡng nuôi con cùng chị B 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Anh Hoàng Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2019/0009852 ngày 04/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Anh D phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Th;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Vân